



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101011259	Đinh Thị Ngọc	Anh	30/06/2005	NH11A	01	35	3,2	01	Anh	Le?
2	000002	1101010766	Lưu Quỳnh	Anh	19/05/2005	NH11A	01	36	3,7	01	Anh	chấn
3	000003	1101010769	Nguyễn Thị Hải	Anh	01/09/2005	NH11A	01	37	3,1	01	Hải	le?
4	000004	1101010478	Nguyễn Thị Mai	Anh	27/12/2005	NH11A	01	38	2,9	01	Anh	chấn
5	000005	1101011261	Nguyễn Việt	Anh	09/11/2005	NH11A	01	39	3,0	01	Anh	Le?
6	000006	1101010773	Nguyễn Vũ Hồng	Anh	28/03/2005	NH11A	01					ĐK
7	000007	1101011386	Bùi Gia	Bảo	14/06/2005	NH11A	01	40	4,0	01	Bảo	Le?
8	000008	1101010784	Phan Kim	Chi	30/06/2005	NH11A	01					HP, ĐK
9	000009	1101010785	Bùi Thị Kiều	Chinh	27/07/2005	NH11A	01	41	6,7	01	Chinh	le?
10	000010	1101010786	Cao Mạnh	Cường	07/09/2005	NH11A	01	42	5,7	01	Cường	chấn
11	000011	1101011372	Đinh Trọng	Đạo	03/05/2005	NH11A	01	43	5,8	01	Đạo	le?
12	000012	1101010512	Phạm Thành	Đạt	28/03/2005	NH11A	01	44	1,9	01	Đạt	chấn
13	000013	1001010766	Phan Huy	Đức	13/05/2004	NH11A	01	45	2,9	01	Huy	le?
14	000014	1001010770	Lương Anh	Dũng	22/11/2004	NH11A	01	46	1,9	01	Lương	chấn
15	000015	1101010796	Bùi Thái	Dương	05/12/2005	NH11A	01	47	Mất	01	Dương	Le?
16	000016	1101010797	Nguyễn Quang	Dương	17/09/2005	NH11A	01	48	1,5	01	Dương	chấn
17	000017	1101011268	Nguyễn Văn	Dương	05/09/2003	NH11A	01	49	5,4	01	Dương	Le?
18	000018	1101011269	Nguyễn Thu	Giang	29/09/2005	NH11A	01	50	4,5	01	Giang	chấn
19	000019	1101010807	Trương Hương	Giang	10/11/2005	NH11A	01	51	3,6	01	Hương	Le?
20	000020	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH11A	01	52	5,2	01	Hải	chấn
21	000021	1101010819	Nguyễn Thu	Hòa	29/04/2005	NH11A	01	53	3,8	01	Hòa	le?
22	000022	1101010823	Đỗ Văn	Hồng	25/01/2005	NH11A	01	54	1,5	01	Hồng	chấn
23	000023	1101011444	Hoàng Ánh	Hồng	26/11/2005	NH11A	01	55	2,8	01	Hồng	le?
24	000024	1101011277	Đoàn Đức	Hùng	09/08/2005	NH11A	01	56	3,3	01	Hùng	chấn
25	000025	1101010110	Nguyễn Việt	Hùng	26/08/2005	NH11A	01	57	2,4	01	Hùng	le?
26	000026	1101011279	Nguyễn Khải	Hưng	07/10/2005	NH11A	01	58	3,3	01	Hưng	chấn
27	000027	1101010836	Trần Thanh	Huyền	14/12/2005	NH11A	01	59	3,7	01	Huyền	le?
28	000028	1101010128	Nguyễn Trọng	Khang	26/03/2005	NH11A	01	60	3,5	01	Khang	chấn
29	000029	1101011282	Dương Quốc	Khánh	19/08/2003	NH11A	01	61	1,5	01	Quốc	le?

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
30	000030	1101011404	Nguyễn Nam	Khánh	08/12/2005	NH11A	01	62	3,2	01	Khánh	chấn
31	000031	1101010841	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	01	63	Không	01	Kiên	Lẻ
32	000032	1101011284	Hoàng Thị	Lam	21/02/2005	NH11A	01	64	7,7	01	Lam	chấn
33	000033	1101010844	Bùi Khánh	Linh	06/10/2005	NH11A	01	65	5,9	01	Linh	lẻ
34	000034	1101010845	Đặng Thị Nhật	Linh	01/10/2005	NH11A	01	66	1,3	01	Linh	chấn
35	000035	1101011285	Đào Thị Thùy	Linh	07/11/2005	NH11A	01	67	5,5	01	Linh	lẻ
36	000036	1101010848	Kiều Khánh	Linh	08/10/2005	NH11A	01	68	3,0	01	Linh	chấn
37	000037	1101010849	Lê Hoài	Linh	15/09/2005	NH11A	01	69	5,1	01	Linh	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 35...

Tổng số tờ giấy thi: 35...

Tổng số biên bản: 0...

Ngày 20 tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Bùi Thị Vân

Phan Thị Uyên



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000038	1101011380	Nguyễn Khánh	Linh	15/08/2005	NH11A	01	1	4,8	1	Linh	chấm
2	000039	1101010852	Vũ Thị Ngọc	Linh	25/06/2005	NH11A	01	2	5,3	1	Linh	lẻ
3	000040	1101011383	Nguyễn Thị	Mai	16/11/2004	NH11A	01	3	2,0	1	Mai	chấm
4	000041	1101010859	Nguyễn Công	Minh	25/10/2005	NH11A	01	4	3,3	1	Minh	lẻ
5	000042	1101010860	Phạm Quang	Minh	26/08/2005	NH11A	01	5	4,1	1	Mỹ	chấm
6	000043	1101010861	Vũ Đức	Minh	03/11/2005	NH11A	01	6	2,8	1	Minh	lẻ
7	000044	1101011416	Nguyễn Trà	My	07/04/2005	NH11A	01	7	4,5	1	Trà	chấm
8	000045	1101010870	Trần Bích	Ngọc	22/03/2005	NH11A	01	8	4,5	1	Ngọc	lẻ
9	000046	1101010874	Nguyễn Trần Thông	Nhất	19/01/2005	NH11A	01	9	7,3	1	Thông	chấm
10	000047	1101010875	Hoàng Thị Yến	Nhi	04/11/2005	NH11A	01	10	3,5	1	Nhi	lẻ
11	000048	1101010877	Lê Quỳnh	Như	12/06/2005	NH11A	01	11	4,3	1	Như	chấm
12	000049	1101010880	Vương Thị Hồng	Nhung	01/06/2005	NH11A	01	12	6,0	1	Hồng	lẻ
13	000050	0901010189	Nguyễn Hoàng	Phúc	02/08/2003	NH11A	01	13	7,5	1	Phúc	chấm
14	000051	1101011399	Phạm Thủy	Phương	27/08/2005	NH11A	01	14	3,6	1	Phương	HP đã KT
15	000052	1101010885	Nguyễn Minh	Quân	23/03/2005	NH11A	01	15	5,8	1	Quân	chấm
16	000053	1101011432	Nguyễn Tiến	Quang	11/10/2005	NH11A	01	16	8,6	1	Quang	lẻ
17	000054	1101010888	Tạ Trường	Quang	09/11/2005	NH11A	01	17	5,8	1	Quang	chấm
18	000055	1101011301	Nguyễn Phương	Quỳnh	19/08/2005	NH11A	01	18	6,2	1	Quỳnh	lẻ
19	000056	1101010890	Trần Ngọc	Quỳnh	05/03/2005	NH11A	01	19	6,2	1	Quỳnh	chấm
20	000057	1101010896	Nguyễn Hiền	Thảo	02/01/2005	NH11A	01	20	4,5	1	Thảo	lẻ
21	000058	1101010897	Nguyễn Đức	Thiện	25/02/2005	NH11A	01	21	5,2	1	Thiện	chấm
22	000059	1101010713	Nguyễn Khánh	Toàn	25/12/2005	NH11A	01	22	3,3	1	Toàn	lẻ
23	000060	1101010905	Trần Thị Thùy	Trang	25/06/2000	NH11A	01	23	6,6	1	Trang	chấm
24	000061	0901030111	Hoàng Minh	Trí	28/12/2003	NH11A	01	24	3,7	1	Trí	lẻ
25	000062	1101011422	Nguyễn Thị Thúy	Vân	30/04/2005	NH11A	01	25	9,1	1	Vân	chấm
26	000063	0901010289	Nguyễn Quang	Vũ	17/05/2003	NH11A	01					ĐK
27	000064	1101010910	Lương Ngọc	Vượng	08/09/2005	NH11A	01	26	4,4	1	Vượng	chấm
28	000065	1101011326	Trần Thị Hải	Yến	29/11/2003	NH11A	01					HP không thi
29	000066	1001071164	Đỗ Anh	Phương	14/10/2004	QL10A	01	27	5,3	1	Phương	chấm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
30	000067	1001071169	Phạm Thị Thùy	Trang	28/09/2004	QL10A	01	28	3,7	1	Trang	lẻ
31	000068	1001030466	Đỗ Phương	Anh	24/11/2004	QT10B	01	29	5,3	1	Anh	chẵn
32	000069	1001030538	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2004	QT10B	01	30	2,9	1	Hà	lẻ
33	000070	0901030325	Nguyễn Hồng	Diệp	23/11/2003	QT9B	01	31	4,6	1	Nguyễn Hồng	chẵn
34	000071	0901030151	Phạm Hoàng	Lan	19/05/2003	QT9B	01					HP, ĐK
35	000072	0901030323	Đỗ Đức	Tài	21/04/2003	QT9B	01	32	4,0	1	Tài	chẵn
36	000073	0901030737	Ngô Phương Kiều	Trang	23/06/2003	QT9B	01	33	1,9	1	Trang	lẻ
37	000074	0901030102	Trần Quốc	Việt	11/12/2003	QT9B	01	34	3,9	1	Việt	HP, chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: ...34....

Tổng số tờ giấy thi: ...34...

Tổng số biên bản: ...0.....

Ngày 20... tháng 6... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vũ T.T. Dung

Nguyễn Phi Phương Hoa